

Số: 1662/QĐ-BKHCN

*Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

**BỘ TRƯỞNG**  
**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Chánh Văn phòng Bộ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành/thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Các thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định này được ban hành tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2018.

- Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính cấp Trung ương: Thủ tục cấp mã số, mã vạch đã được công bố tại Quyết định số 4098/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Quyết định số 688/QĐ-BKHHCN ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ; Thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia và Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận phục vụ quản lý Nhà nước đã được công bố tại Quyết định số 4098/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ.

- Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh: Thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia đã được công bố tại Quyết định số 4098/QĐ-BKHHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ.

**Điều 3.** Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Trung tâm Công nghệ Thông tin (để cập nhật);
- Lưu: VT, VP, TĐC.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Đã ký**

**Trần Văn Tùng**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ  
BỎ TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ  
CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN  
ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

| <b>STT</b>                                  | <b>Tên thủ tục hành chính</b>   | <b>Lĩnh vực</b>                | <b>Cơ quan thực hiện</b>   |
|---|---|--------------------------------|--|
| <b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b> |   |                                |  |
| 1.  | Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Bộ quản lý ngành, lĩnh vực   |
| 2.  | Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định                       | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Bộ quản lý ngành, lĩnh vực   |
| 3.  | Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp                                     | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Bộ quản lý ngành, lĩnh vực   |
| 4.  | Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch  | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng  |
| 5.  | Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch  | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng  |
| 6.  | Thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch                         | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng  |
| 7.  | Thủ tục xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia  | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | - Hội đồng sơ tuyển cấp Bộ, ngành (Bộ, ngành thành lập)<br>- Hội đồng quốc gia (Tổng |

|                                       |   |                                |   |
|---------------------------------------|---|--------------------------------|---|
|                                       |   |                                | cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ  |
| 8.                                    | Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu                 | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | <p>- Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực (<i>sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành</i>).</p> <p>- Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (<i>xăng, nhiên liệu điêzen, nhiên liệu sinh học, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các loại hàng hóa khác theo sự chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền</i>).</p> |
| <b>B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b> |   |                                |   |
| 1.                                    | Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  |
| 2.                                    | Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định                       | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  |
| 3.                                    | Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp                                     | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  |
| 4.                                    | Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia                           | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | - Hội đồng sơ tuyển (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất   |

|    |  |                                |   |
|----|--|--------------------------------|---|
|    |  |                                | lượng, Sở Khoa học và Công nghệ)  |
| 5. | Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan kiểm tra chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</li> <li>- Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (<i>sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ, trich xăng, nhiên liệu điezen, nhiên liệu sinh học, khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) và các loại hàng hóa khác theo sự chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền</i>).</li> </ul> |

**II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ**

| <b>STT</b>                                  | <b>Số hồ sơ TTHC</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>  | <b>Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính</b>  | <b>Lĩnh vực</b>                | <b>Cơ quan thực hiện</b>                |
|---|----------------------|--|--|--------------------------------|---|
| <b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b> |                      |  |  |                                |   |
| 1.  | B-BKC-282519-TT      | Thủ tục cấp mã số, mã vạch   | Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| 2.  | B-BKC-282186-TT      | Thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia   | Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| 3.  | B-BKC-282187-TT      | Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận phục vụ quản lý Nhà nước | Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng |
| <b>B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh</b>       |                      |  |  |                                |   |
| 1   | B-BKC-282137-TT      | Thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia   | Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá | Tiêu chuẩn đo lường chất lượng | Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng  |

## **PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

### **A. Thủ tục hành chính cấp trung ương**

#### **1. Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận**

##### **a. Trình tự thực hiện:**

##### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức đánh giá sự phù hợp khi có nhu cầu tham gia hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận phục vụ quản lý nhà nước nộp hồ sơ đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, hồ sơ đăng ký chỉ định gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Cơ quan chỉ định).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ, quản lý ngành, lĩnh vực, hồ sơ đăng ký chỉ định gửi về Bộ, quản lý ngành, lĩnh vực (Cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định - Cơ quan chỉ định).

##### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chỉ định cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá và phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp về việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, chuyên gia hoặc đoàn đánh giá phải hoàn thành việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.

Trường hợp, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đánh giá thực tế, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục về Cơ quan chỉ định; trường hợp phải kéo dài thêm thời hạn thì phải nêu rõ thời hạn chính thức hoàn thành việc khắc phục các nội dung còn lại.

Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định bảo đảm.

##### **Bước 3:** Ban hành Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả

hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định không quá 05 năm kể từ ngày ký ban hành.

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**Bước 4:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc theo đường bưu điện.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, bản sao các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu;

- Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức) các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* *Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận;

- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có bản sao chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ;

- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chỉ định kèm theo;

- Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo;

- Bản sao Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có);

- Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử



nghiệm).

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

Trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp đồng thời nộp hồ sơ đăng ký hoạt động (theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp) và hồ sơ đăng ký chỉ định thì tổ chức đánh giá sự phù hợp không phải nộp kèm theo các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c, d, đ, e của khoản 1 Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban hành Quyết định chỉ định.

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đánh giá sự phù hợp

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; Cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**h. Lệ phí:** không.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp (*mẫu kèm theo*).

- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá (*mẫu kèm theo*).

- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (*mẫu kèm theo*).

- Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thử nghiệm/kiểm định (*mẫu kèm theo*).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện đối với tổ chức thử nghiệm được chỉ định:

+ Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, trong đó có lĩnh vực thử nghiệm đăng ký chỉ định;

+ Phải thực hiện việc thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định.

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

- Điều kiện đối với tổ chức kiểm định, giám định, chứng nhận được chỉ định: Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định, giám định, chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, trong đó có lĩnh vực kiểm định, giám định, chứng nhận đăng ký chỉ định.

#### ***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH  
HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

Kính gửi: .....(tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định)

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng đầu tư số: ..... cơ quan cấp: ..... cấp ngày ..... tại .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận số ..... cơ quan cấp: ..... cấp ngày .....

5. Hồ sơ kèm theo:

- .....

- .....

6. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để được chỉ định thực hiện hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận trong các lĩnh vực sản phẩm, hàng hoá, quá trình, môi trường (nêu cụ thể tên sản phẩm, hàng hoá, quá trình, môi trường, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng)<sup>1</sup>.

Đề nghị (tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực, UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định) xem xét để chỉ định (tên tổ chức) được hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nêu trên./.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**

(Ký tên, đóng dấu)

<sup>1</sup> Đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp nào thì ghi hoạt động đó (ví dụ: Đăng ký chỉ định chứng nhận thì ghi chỉ định thực hiện hoạt động chứng nhận)

TÊN TỔ CHỨC :.....

**DANH SÁCH THỬ NGHIỆM VIÊN/GIÁM ĐỊNH VIÊN/  
KIỂM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ<sup>2</sup>**

| STT  | Họ và tên | Chứng chỉ đào tạo chuyên môn | Chứng chỉ đào tạo hệ thống quản lý | Kinh nghiệm công tác (ghi số năm) | Kinh nghiệm ĐGSPH (ghi số cuộc) | Loại hợp đồng lao động đã ký | Ghi chú |
|------|-----------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---------|
| 1    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 2    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 3    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 4    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 5    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| .... |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |

(*tên tổ chức*).... gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của thử nghiệm viên/giám định viên/kiểm định viên/chuyên gia đánh giá đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**

(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>2</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

TÊN TỔ CHỨC:.....

**DANH MỤC TÀI LIỆU KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH,  
THỦ TỤC THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/KIỂM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN<sup>3</sup>**

| TT   | Tên tài liệu | Mã số | Hiệu lực từ | Cơ quan ban hành | Ghi chú |
|------|--------------|-------|-------------|------------------|---------|
| 1    |              |       |             |                  |         |
| 2    |              |       |             |                  |         |
| 3    |              |       |             |                  |         |
| 4    |              |       |             |                  |         |
| 5    |              |       |             |                  |         |
| 6    |              |       |             |                  |         |
| 7    |              |       |             |                  |         |
| 8    |              |       |             |                  |         |
| 9    |              |       |             |                  |         |
| 10   |              |       |             |                  |         |
| .... |              |       |             |                  |         |
| .... |              |       |             |                  |         |

(*tên tổ chức*).... gửi kèm theo quy trình, thủ tục thử nghiệm/giám định /kiểm định/chứng nhận đã được phê duyệt và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>3</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM/KIỂM ĐỊNH:.....

**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ  
PHỤC VỤ THỬ NGHIỆM/KIỂM ĐỊNH<sup>4</sup>**

**1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm**

| TT   | Tên máy móc, thiết bị, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính | Năm sản xuất, nước sản xuất | Năm đưa vào sử dụng và tình trạng thiết bị | Ngày kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm | Đơn vị kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm | Ghi chú |
|------|---|-----------------------------|--|--------------------------------------|--|---------|
| 1    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 2    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 3    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 4    |   |                             |  |                                      |  |         |
| .... |   |                             |  |                                      |  |         |

**2. Trang thiết bị khác**

| TT | Tên thiết bị | Đặc trưng kỹ thuật | Ngày đưa vào sử dụng | Ghi chú |
|----|--------------|--------------------|----------------------|---------|
|    |              |                    |                      |         |
|    |              |                    |                      |         |

.....(tên tổ chức thử nghiệm/kiểm định).... gửi kèm theo giấy chứng nhận kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm của thiết bị và cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>4</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

## **2. Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức đánh giá sự phù hợp khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định nộp hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm, hàng hóa nhóm 2:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, hồ sơ đăng ký chỉ định gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Cơ quan chỉ định).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ, quản lý ngành, lĩnh vực, hồ sơ đăng ký chỉ định gửi về Bộ, quản lý ngành, lĩnh vực (Cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định - Cơ quan chỉ định).

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan chỉ định tiến hành thẩm xét hồ sơ, không tổ chức đánh giá năng lực thực tế.

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ nhưng có nội dung không phù hợp hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có thông tin, phản ánh về dấu hiệu vi phạm liên quan đến hồ sơ thì cơ quan chỉ định tổ chức đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp. Cơ quan chỉ định cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá và phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp về việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp. Chuyên gia hoặc đoàn đánh giá phải hoàn thành việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.

Trường hợp, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đánh giá thực tế, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục về Cơ quan chỉ định; trường hợp phải kéo dài thêm thời hạn thì phải nêu rõ thời hạn chính thức hoàn thành việc khắc phục các nội dung còn lại.

Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định bảo đảm.

#### **Bước 3:** Ban hành Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

Nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp. Thời hạn

hiệu lực của quyết định chỉ định không quá 05 năm kể từ ngày ký ban hành.

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**Bước 4:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc theo đường bưu điện.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc qua đường bưu điện.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, bản sao các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu;

- Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức) các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

**c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*\* Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; bản sao Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ kèm theo;

- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng kèm theo;

- Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm còn hiệu lực kèm theo;

- Bản sao Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có) đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung;

- Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với



phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm).

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban hành Quyết định chỉ định.

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; Cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (sửa đổi, bổ sung)

**h. Lệ phí:** không.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định (*mẫu kèm theo*).

- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá (*mẫu kèm theo*).

- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (*mẫu kèm theo*).

- Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thử nghiệm/kiểm định (*mẫu kèm theo*).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện đối với tổ chức thử nghiệm được chỉ định

+ Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, trong đó có lĩnh vực thử nghiệm đăng ký

chỉ định;

+ Phải thực hiện việc thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định.

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

- Điều kiện đối với tổ chức kiểm định, giám định, chứng nhận được chỉ định:

Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định, giám định, chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, trong đó có lĩnh vực kiểm định, giám định, chứng nhận đăng ký chỉ định.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI/BỔ SUNG  
PHẠM VI/LĨNH VỰC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**

Kính gửi: ....(tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực/UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định)

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Đã được chỉ định thực hiện việc thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận theo Quyết định số:..... ngày.../.../.20.. của ...(tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực/ UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định).

4. Hoạt động chỉ định thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đề nghị thay đổi/bổ sung (nêu cụ thể tên sản phẩm, hàng hoá, quá trình, môi trường, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng).

5. Hồ sơ kèm theo:

- .....

- .....

Đề nghị (tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực/ UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định) xem xét đề chỉ định (tên tổ chức) được thay đổi/bổ sung hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nói trên./.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC :.....

**DANH SÁCH THỬ NGHIỆM VIÊN/GIÁM ĐỊNH VIÊN/  
KIỂM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ<sup>5</sup>**

| STT  | Họ và tên | Chứng chỉ đào tạo chuyên môn | Chứng chỉ đào tạo hệ thống quản lý | Kinh nghiệm công tác (ghi số năm) | Kinh nghiệm ĐGSPH (ghi số cuộc) | Loại hợp đồng lao động đã ký | Ghi chú |
|------|-----------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---------|
| 1    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 2    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 3    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 4    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 5    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| .... |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |

(tên tổ chức).... gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của thử nghiệm viên/giám định viên/kiểm định viên/chuyên gia đánh giá đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>5</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

TÊN TỔ CHỨC :.....

**DANH MỤC TÀI LIỆU KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH,  
THỦ TỤC THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/KIỂM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN<sup>6</sup>**

| TT   | Tên tài liệu | Mã số | Hiệu lực từ | Cơ quan ban hành | Ghi chú |
|------|--------------|-------|-------------|------------------|---------|
| 1    |              |       |             |                  |         |
| 2    |              |       |             |                  |         |
| 3    |              |       |             |                  |         |
| 4    |              |       |             |                  |         |
| 5    |              |       |             |                  |         |
| 6    |              |       |             |                  |         |
| 7    |              |       |             |                  |         |
| 8    |              |       |             |                  |         |
| 9    |              |       |             |                  |         |
| 10   |              |       |             |                  |         |
| .... |              |       |             |                  |         |
| .... |              |       |             |                  |         |

(*tên tổ chức*).... gửi kèm theo quy trình, thủ tục thử nghiệm/giám định /kiểm định/chứng nhận đã được phê duyệt và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai..

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>6</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM/KIỂM ĐỊNH:.....

**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ  
PHỤC VỤ THỬ NGHIỆM/KIỂM ĐỊNH<sup>7</sup>**

**1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm**

| TT   | Tên máy móc, thiết bị, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính | Năm sản xuất, nước sản xuất | Năm đưa vào sử dụng và tình trạng thiết bị | Ngày kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm | Đơn vị kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm | Ghi chú |
|------|---|-----------------------------|--|--------------------------------------|--|---------|
| 1    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 2    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 3    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 4    |   |                             |  |                                      |  |         |
| .... |   |                             |  |                                      |  |         |

**2. Trang thiết bị khác**

| TT | Tên thiết bị | Đặc trưng kỹ thuật | Ngày đưa vào sử dụng | Ghi chú |
|----|--------------|--------------------|----------------------|---------|
|    |              |                    |                      |         |
|    |              |                    |                      |         |

.....(tên tổ chức thử nghiệm/kiểm định).... gửi kèm theo giấy chứng nhận kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm của thiết bị và cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>7</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

### **3. Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

##### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức đánh giá sự phù hợp có Quyết định chỉ định còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ hoặc thu hẹp phạm vi chỉ định nộp hồ sơ đề nghị cấp:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, hồ sơ đăng ký chỉ định gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Cơ quan chỉ định).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ, quản lý ngành, lĩnh vực, hồ sơ đăng ký chỉ định gửi về Bộ, quản lý ngành, lĩnh vực (Cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định - Cơ quan chỉ định).

##### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ Cơ quan chỉ định xem xét, cấp lại quyết định chỉ định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, Cơ quan chỉ định có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

##### **Bước 3:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc theo đường bưu điện.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại hoặc qua đường bưu điện tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định theo quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Bản chính Quyết định chỉ định bị hư hỏng (đối với trường hợp quyết định chỉ định bị hư hỏng).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

#### **d. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan chỉ định xem xét, cấp lại quyết định chỉ định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan chỉ định có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo

lượng Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ; Cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực chỉ định.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**h. Lệ phí:** không.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định (*mẫu kèm theo*)

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Tổ chức đánh giá sự phù hợp có Quyết định chỉ định còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ hoặc thu hẹp phạm vi chỉ định.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Đã được chỉ định thực hiện việc thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận theo Quyết định số:..... ngày.../.../20.. của ...(tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực/ UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định).

4. Lý do đề nghị cấp lại Quyết định chỉ định thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận:.....

5. Hồ sơ kèm theo:

- .....

- .....

Đề nghị (tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực/ UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định) xem xét cấp lại Quyết định chỉ định thực hiện việc thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận cho .....(tên tổ chức).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nói trên./.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu)

#### **4. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch**

##### ***a. Trình tự thực hiện:***

###### ***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng mã số, mã vạch nộp hồ sơ đăng ký sử dụng mã số mã vạch tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

###### ***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thường trực về mã số, mã vạch thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ để sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đóng các khoản phí theo quy định, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thường trực về mã số, mã vạch có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận mã số mã vạch.

Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày cấp.

###### ***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

***b. Cách thức thực hiện:*** Tổ chức có nhu cầu sử dụng mã số, mã vạch nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện tới Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Trường hợp nộp trực tiếp thì phải có bản chính để đối chiếu. Trường hợp hồ sơ gửi qua bưu điện, nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính có ký tên, đóng dấu.

##### ***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đăng ký sử dụng mã số, mã vạch theo Mẫu số 12 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định thành lập.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:*** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức, cá nhân hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Giấy chứng nhận quyền sử dụng

mã số, mã vạch.

***h. Lệ phí:***

(1) Mức thu phí cấp và hướng dẫn sử dụng mã số mã vạch

| <b>STT</b> | <b>Phân loại phí</b>  | <b>Mức thu<br/>(đồng/mã)</b> |
|------------|---|------------------------------|
| 1          | Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 (không phân biệt mã số đăng ký sử dụng) | 1.000.000                    |
| 2          | Sử dụng mã địa điểm toàn cầu (GLN)                                  | 300.000                      |
| 3          | Sử dụng mã số thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8)          | 300.000                      |

(2) Mức thu phí duy trì sử dụng mã số mã vạch hàng năm (niên phí)

| <b>STT</b> | <b>Phân loại phí</b>   | <b>Mức thu<br/>(đồng/năm)</b> |
|------------|--|-------------------------------|
| 1          | Sử dụng mã doanh nghiệp GS1  |                               |
| 1.1        | Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 10 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 100 số vật phẩm)    | 500.000                       |
| 1.2        | Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 9 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 1.000 số vật phẩm)   | 800.000                       |
| 1.3        | Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 8 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 10.000 số vật phẩm)  | 1.500.000                     |
| 1.4        | Sử dụng mã doanh nghiệp GS1 loại 7 số (tương ứng với trường hợp doanh nghiệp được sử dụng 100.000 số vật phẩm) | 2.000.000                     |
| 2          | Sử dụng mã địa điểm toàn cầu (GLN)   | 200.000                       |
| 3          | Sử dụng mã số thương phẩm toàn cầu 8 chữ số EAN-8 (GTIN-8)   | 200.000                       |

Trường hợp tổ chức, cá nhân được nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch sau ngày 30 tháng 6 thì chỉ phải nộp 50% (năm mươi phần trăm) mức phí duy trì tương ứng với từng loại mã số mã vạch theo quy định nêu trên

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Bản đăng ký sử dụng mã số, mã vạch (mẫu kèm theo);

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Tổ chức nộp đơn có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng

nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định thành lập hợp pháp.

- Nộp phí cấp và phí duy trì quyền sử dụng mã số, mã vạch theo quy định.

***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số, mã vạch.



**BẢN ĐĂNG KÝ SỬ DỤNG MÃ SỐ MÃ VẠCH  
APPLICATION FORM**

**Tên Tổ chức/Doanh nghiệp bằng tiếng Việt:**  
(Organization's Name in Vietnamese)

**Tên Tổ chức/Doanh nghiệp bằng tiếng Anh:**  
(Organization's Name in English)

**Địa chỉ bằng tiếng Việt:**  
(Address in Vietnamese)

**Địa chỉ bằng tiếng Anh:**  
(Address in English)

Điện thoại ..... Fax: .....

Website: .....E-mail: .....

Tài khoản: .....

Ngân hàng:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập: .....

Ngày cấp .....Cơ quan cấp .....

**Lĩnh vực hoạt động** (Điền vào ô trống)

- Sản xuất                       Thương mại                       Bán lẻ
- Dịch vụ                               Khác : .....

**Phân ngành:**

**Tổng chủng loại sản phẩm, dịch vụ đăng ký sử dụng  
MSMV:.....**

**Chúng tôi xin đăng ký sử dụng loại mã** (Điền vào ô trống):

- Mã doanh nghiệp
- 8 chữ số (8 - digit)     9 chữ số (9 - digit)     10 chữ số (10 - digit)

■ Mã số địa điểm toàn cầu GLN (Global Location Number)

□ Mã số rút gọn EAN-8:

Danh mục sản phẩm kèm theo

**Đại diện Tổ chức/Doanh nghiệp**

| Chức danh              | Họ và tên | Chức vụ, đơn vị | Điện thoại/fax | Hòm thư điện tử (E-mail) |
|------------------------|-----------|-----------------|----------------|--------------------------|
| Đại diện có thẩm quyền |           |                 |                |                          |
| Người liên lạc chính   |           |                 |                |                          |

Chúng tôi cam đoan thông tin kê khai trên là đúng và cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật liên quan đến mã số mã vạch, các quy định về phí và các điều khoản sau đây:

- Chỉ sử dụng mã số đã được cấp cho các sản phẩm, dịch vụ của mình;
- Thực hiện đúng các quy định về nộp phí và nộp phí duy trì trước 30/6 hàng năm;

- Khi vì lý do nào đó (bị giải thể hoặc phá sản) không còn nhu cầu sử dụng mã số đã được cấp thì chúng tôi sẽ thông báo bằng văn bản cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong thời gian một tháng kể từ ngày giải thể hoặc phá sản;

- Nếu đổi tên hoặc đổi tư cách pháp nhân, hoặc địa chỉ, chúng tôi sẽ thông báo cho Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong thời gian 01 tháng kể từ ngày có thay đổi để làm thủ tục đổi giấy chứng nhận.

....., ngày ..... tháng ..... năm ....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**  
(Ký tên và đóng dấu)

## BẢNG ĐĂNG KÝ DANH MỤC SẢN PHẨM SỬ DỤNG MÃ GTIN

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp

.....

..... Mã doanh nghiệp:

**893**.....

Số giấy chứng nhận:

.....

| TT | Tên sản phẩm | Mã vật phẩm/<br>thùng | Mã GTIN<br>(Global Trade<br>Item Number) | Mô tả sản phẩm<br>(Đặc điểm, loại sản phẩm, bao gói,<br>số lượng, khối lượng, kích thước ...) |
|----|--------------|-----------------------|--|---|
|    |              |                       |  |   |
|    |              |                       |  |   |
|    |              |                       |  |   |
|    |              |                       |  |   |
|    |              |                       |  |   |
|    |              |                       |  |   |

Tổng cộng: ..... loại vật phẩm ..... loại thùng

....., ngày..... tháng..... năm .....

**Lãnh đạo Tổ chức/Doanh nghiệp**

(Ký tên và đóng dấu)

## **5. Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số, mã vạch nộp hồ sơ đăng ký sử dụng mã số mã vạch tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm cấp lại Giấy chứng nhận cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

#### **Bước 3:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

### **b. Cách thức thực hiện:**

Nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện tới Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Trường hợp nộp trực tiếp thì phải có bản chính để đối chiếu. Trường hợp hồ sơ gửi qua bưu điện phải nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính có ký tên, đóng dấu.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 13 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định thành lập đối với trường hợp thay đổi tên, địa chỉ;

- Bản chính Giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị mất).

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:** 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch.

**h. Lệ phí:** Không

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**



- Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận (mẫu kèm theo).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Giấy chứng nhận được cấp lại áp dụng đối với trường hợp tổ chức, cá nhân có giấy chứng nhận còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức nộp đơn có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định thành lập hợp pháp.

- Đóng phí duy trì sử dụng mã số mã vạch đầy đủ.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số, mã vạch.

(TÊN TỔ CHỨC SỬ DỤNG MSMV)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....  
V/v cấp lại Giấy chứng nhận  
quyền sử dụng MSMV

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Ngày..... tháng..... năm....., chúng tôi đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch* số: (B/N) ..... và được sử dụng mã số doanh nghiệp là:

**893**.....

Hiện nay, do.....(*nêu lý do thay đổi*)....., nên kính đề nghị Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng mã số mã vạch và cho phép cơ sở duy trì sử dụng mã số đã được cấp: 893.....

Hồ sơ gửi kèm gồm:

1. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập.
2. Giấy chứng nhận đã được cấp.
3. Bản đăng ký sử dụng mã số mã vạch đã điền các thông tin thay đổi.

Chúng tôi xin chấp hành đầy đủ mọi quy định liên quan đến việc cấp, sử dụng và quản lý mã số mã vạch hiện hành.

**Lãnh đạo của Tổ chức/Doanh nghiệp**  
(*Ký tên và đóng dấu*)

## **6. Thủ tục xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch nộp hồ sơ đề nghị xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số mã vạch về Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức thẩm định hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thường trực về mã số, mã vạch thông báo cho tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ để sửa đổi, bổ sung;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ và tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đóng các khoản phí theo quy định, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thường trực về mã số, mã vạch có trách nhiệm cấp Giấy xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch cho tổ chức theo quy định tại Mẫu số 17 và Mẫu số 18 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

#### **Bước 3:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoặc theo đường bưu điện.

### **b. Cách thức thực hiện:**

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu xác nhận sử dụng mã số nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện tới Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng. Trường hợp nộp trực tiếp thì phải có bản chính để đối chiếu. Trường hợp hồ sơ gửi qua bưu điện, nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính có ký tên, đóng dấu.

### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

\* Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch theo quy định tại Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Đối với xác nhận sử dụng mã số nước ngoài: Bản sao bằng chứng phía đối tác nước ngoài ủy quyền cho tổ chức được quyền sử dụng mã số, mã vạch dưới hình thức thư, hợp đồng ủy quyền, bằng chứng chứng minh đơn vị ủy quyền sở hữu hợp pháp mã số ủy quyền, danh mục sản phẩm tương ứng với mã ủy quyền...;

- Đối với xác nhận ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch: Bản sao hợp đồng

hoặc thư ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch kèm danh mục sản phẩm tương ứng mã số ủy quyền.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:** 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận sử dụng mã số mã vạch nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số mã vạch.

**h. Lệ phí:**

Mức thu phí xác nhận sử dụng mã số mã vạch nước ngoài:

| STT | Phân loại                                | Mức thu            |
|-----|--|--------------------|
| 1   | Hồ sơ có ít hơn hoặc bằng 50 mã sản phẩm | 500.000 đồng/hồ sơ |
| 2   | Hồ sơ trên 50 mã sản phẩm                | 10.000 đồng/mã     |

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị xác nhận sử dụng mã nước ngoài hoặc ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch theo quy định tại Mẫu số 15 và Mẫu số 16 Phụ lục ban hành kèm theo số 74/2018/NĐ-CP.

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức nộp đơn xác nhận sử dụng mã nước ngoài có bằng chứng được đối tác nước ngoài ủy quyền sử dụng mã số, mã vạch hợp pháp.

- Đóng phí xác nhận đầy đủ.

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Thông tư số 232/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cấp mã số, mã vạch.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN VIỆC SỬ DỤNG MÃ NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tên Tổ chức/Doanh nghiệp đề nghị xác nhận: .....  
Tên tiếng Anh (nếu có):.....  
Địa chỉ:.....  
Điện thoại (Tel) ..... Fax: .....  
Website: ..... E-mail: .....  
Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh/Quyết định thành lập: Số .....  
Ngày cấp ..... Cơ quan cấp .....  
Tên đơn vị ủy quyền:.....  
Địa chỉ: .....  
Số điện thoại:.....

Kính đề nghị Tổng cục xác nhận cho chúng tôi được phép sử dụng các mã số nước ngoài trên các sản phẩm (danh mục kèm theo).

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Giấy (hợp đồng) uỷ quyền cho phép sử dụng mã nước ngoài;
- Danh mục mã số nước ngoài được uỷ quyền tương ứng sản phẩm theo hợp đồng uỷ quyền.
- Giấy tờ khác (nếu có): .....

Chúng tôi xin cam đoan các thông tin và giấy uỷ quyền là hợp pháp. Nếu có tranh chấp, kiện cáo liên quan đến các giấy tờ trên, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., Ngày ... tháng ... năm.....

**Lãnh đạo Tổ chức/Doanh nghiệp**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

**DANH MỤC MÃ NƯỚC NGOÀI ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN**

| <b>TT</b> | <b>Mã nước ngoài</b> | <b>Tên sản phẩm</b> | <b>Mô tả sản phẩm</b> |
|-----------|----------------------|---------------------|-----------------------|
| 1.        |                      |                     |                       |
| 2.        |                      |                     |                       |
| ...       |                      |                     |                       |
|           |                      |                     |                       |

Tổng cộng..... mã nước ngoài.

**Lãnh đạo Tổ chức/ Doanh nghiệp**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÁC NHẬN ỦY QUYỀN SỬ DỤNG MÃ SỐ, MÃ VẠCH**

Kính gửi: Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

Tổ chức/Doanh nghiệp đề nghị xác nhận: .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại (Tel) ..... Fax: .....  
Website: ..... E-mail: .....  
Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh/Quyết định thành lập: Số  
.....Ngày cấp..... Cơ quan cấp .....

Chúng tôi ủy quyền cho đơn vị (danh mục kèm theo) được phép sử dụng mã số mã vạch tương ứng cho các sản phẩm liên doanh/thuê gia công cho chúng tôi.

Kính đề nghị Tổng cục xác nhận việc ủy quyền nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm gồm:

- Giấy uỷ quyền sử dụng mã số mã vạch;
- Danh mục mã số mã vạch được ủy quyền sử dụng;
- Giấy tờ khác (nếu có): .....

....., ngày ... tháng .... năm .....

**Lãnh đạo Tổ chức/ Doanh nghiệp**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu (nếu có))

## DANH MỤC MÃ SỐ, MÃ VẠCH ĐƯỢC ỦY QUYỀN

| TT | Tên công ty | Địa chỉ | Tên sản phẩm | Mã GTIN |
|----|-------------|---------|--------------|---------|
| 1. |             |         |              |         |
| 2. |             |         |              |         |

....., ngày ... tháng .... năm .....

**Lãnh đạo Tổ chức/ Doanh nghiệp**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))



## **7. Thủ tục xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

- Tổ chức, doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của các bộ, ngành nộp hồ sơ đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia tại Hội đồng sơ tuyển cấp Bộ, ngành.

- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tiếp nhận hồ sơ của Hội đồng sơ tuyển và gửi Hội đồng quốc gia.

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

Hội đồng sơ tuyển cấp Bộ, ngành do các bộ, ngành thành lập, có sự thống nhất của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Tiến hành việc xem xét, đánh giá trên hồ sơ và đánh giá tại chỗ tổ chức, doanh nghiệp tham dự;

- Thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá và các thông tin phản hồi khác cho tổ chức, doanh nghiệp sau khi có kết quả đánh giá.

- Căn cứ vào kết quả đánh giá, hội đồng sơ tuyển quyết định danh sách các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện để đề xuất xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và gửi hồ sơ liên quan cho Hội đồng quốc gia thông qua cơ quan thường trực Giải thưởng chất lượng quốc gia (Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

- Hội đồng quốc gia xem xét và thẩm định hồ sơ của các tổ chức, doanh nghiệp tham dự được hội đồng sơ tuyển đề xuất trao giải và các hồ sơ liên quan của hội đồng sơ tuyển. Trong trường hợp cần thiết, hội đồng quốc gia cử đoàn đánh giá tiến hành đánh giá, thẩm định tại tổ chức, doanh nghiệp để bổ sung các thông tin làm cơ sở cho việc xét chọn và trao giải. Căn cứ kết quả đánh giá, thẩm định hồ sơ và tại tổ chức, doanh nghiệp, hội đồng quốc gia quyết định danh sách các tổ chức, doanh nghiệp được đề xuất tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia.

- Trên cơ sở đề xuất của hội đồng quốc gia, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng gửi lấy ý kiến của Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện để hiệp y trao Giải thưởng chất lượng quốc gia. Trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được văn bản đề nghị hiệp y, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản trả lời;

- Hội đồng quốc gia và Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị trao tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện trình Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm thông báo kết quả xét thưởng cho hội đồng sơ tuyển, các tổ chức, doanh nghiệp đạt giải và các cơ quan, tổ chức liên quan sau khi có quyết định trao Giải thưởng chất lượng quốc gia và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lễ trao giải cho các tổ chức, doanh nghiệp đạt Giải thưởng chất lượng quốc gia và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

### ***Bước 3:*** Trả kết quả

Trao tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ

#### ***b. Cách thức thực hiện:***

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến Hội đồng sơ tuyển cấp Bộ, ngành; Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ.

#### ***c. Thành phần hồ sơ, số hồ sơ:***

\* Hồ sơ nộp tại Hội đồng sơ tuyển gồm:

- Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Báo cáo giới thiệu chung về tổ chức, doanh nghiệp;

- Báo cáo tự đánh giá theo 07 tiêu chí của Giải thưởng chất lượng quốc gia;

- Tài liệu chứng minh về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), chứng chỉ hoặc tài liệu liên quan;

- Tài liệu chứng minh về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa chính với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt và các kết quả quan trắc hàng năm hoặc báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);

- Xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động hàng năm trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);

- Bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), các tài liệu chứng minh khác về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất (nếu có).

- Số bộ hồ sơ: 01 bản.

\* Hồ sơ của hội đồng sơ tuyển gửi Hội đồng quốc gia gồm:

- Hồ sơ tham dự của tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Kết quả xem xét đánh giá của hội đồng sơ tuyển đối với từng tổ chức, doanh nghiệp;

- Văn bản đề nghị của hội đồng sơ tuyển kèm theo danh sách các tổ chức, doanh nghiệp được đề xuất trao giải.

Số bộ hồ sơ: 01 bản in và 01 đĩa CD.

\* Hồ sơ trình Bộ Khoa học và Công nghệ gồm:

- Báo cáo hoạt động Giải thưởng chất lượng quốc gia trong năm, báo cáo đánh giá hồ sơ và đánh giá tại tổ chức, doanh nghiệp, nếu có;

- Biên bản họp hội đồng quốc gia;

- Công văn hiệp y trao giải của bộ, ngành và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Danh sách các tổ chức, doanh nghiệp được đề nghị trao giải;

- Các hồ sơ, tài liệu liên quan khác, nếu có.

Số bộ hồ sơ: 02 bản in và 01 đĩa CD.

**d. Thời hạn giải quyết:** Hàng năm

**đ. Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia

**e. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Cơ quan thực hiện: Bộ, ngành thành lập Hội đồng sơ tuyển, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Bộ Khoa học và Công nghệ, Thủ tướng Chính phủ.

**g. Kết quả thực hiện:**

Thông báo của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cho Bộ, ngành thành lập Hội đồng sơ tuyển và Hội đồng sơ tuyển bằng văn bản kết quả thẩm định hồ sơ xét thưởng có đủ điều kiện đề đề xuất với Hội đồng quốc gia danh sách các tổ chức, doanh nghiệp trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và tặng

bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Quyết định trao giải của Thủ tướng Chính phủ:

+ Giải Vàng Chất lượng Quốc gia.

+ Giải Thưởng Chất lượng Quốc gia.

+ Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

- Cúp Giải thưởng chất lượng quốc gia và Giấy chứng nhận của Bộ Khoa học và Công nghệ.

***h. Phí, lệ phí:*** Không có.

***i. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:*** Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

***k. Yêu cầu, điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính:***

- Tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là các tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đã hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ liên tục tại Việt Nam và không vi phạm các quy định của pháp luật trong thời gian ít nhất 36 tháng, tính đến ngày 01 tháng 5 của năm tham dự.

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đã đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia, nếu đáp ứng điều kiện trên đây thì sau 03 năm kể từ năm được Thủ tướng Chính phủ tặng Giải Vàng Chất lượng Quốc gia tiếp tục được tham dự lại Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đã đạt Giải Thưởng Chất lượng Quốc gia, nếu đáp ứng điều kiện nêu trên thì được tiếp tục tham dự lại Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định 132/2008/ NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM DỰ  
GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA NĂM 20.....**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:  
Tên giao dịch: .....  
Tên tiếng Anh: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....  
Điện thoại:..... Fax: .....  
Email:..... Website:.....  
Mã số thuế: .....  
Số tài khoản: .....  
Tại Ngân hàng: .....
3. Họ và tên Thủ trưởng tổ chức, doanh nghiệp:.....  
Điện thoại:.....; di động: .....  
Fax:..... Email: .....
4. Họ và tên người liên hệ: .....  
Chức vụ:..... Đơn vị: .....  
Điện thoại:.....; di động: .....  
Fax:..... Email: .....
5. Lĩnh vực hoạt động chính: .....  
.....  
.....
6. Nếu tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc một tổ chức, doanh nghiệp khác, xin cung cấp các thông tin sau:  
Tên tổ chức, doanh nghiệp mà đơn vị trực thuộc: .....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại:..... Fax: .....  
Email:..... Website:.....
7. Số lượng nhân viên chính thức trong 3 năm gần nhất, kể cả năm tham dự (có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên):  
Năm 20..... Năm 20..... Năm 20.....
8. Các năm đạt Giải thưởng Chất lượng Việt Nam/Giải thưởng Chất lượng Quốc gia:  
.....

9. Doanh thu trong 3 năm gần nhất, kể cả năm tham dự:

Năm 20..... triệu VNĐ                      Năm 20..... triệu VNĐ

Năm 20..... triệu VNĐ (ước tính của năm tham dự)

10. Các địa điểm sản xuất, kinh doanh chính:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

11. Các hệ thống quản lý đang áp dụng:

ISO 9001       ISO 14001       ISO 22000       GMP                        
HACCP       ISO 17025       SA 8000            OHSAS 18001

Khác:.....

*Chúng tôi cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn chính xác.*

....., ngày ..... tháng ..... năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**  
*(ký tên, đóng dấu)*

## **8. Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đến cơ quan kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ ở Trung ương, hồ sơ được gửi đến Bộ Khoa học và Công nghệ (Cục Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ - Cơ quan kiểm tra).

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành ở Trung ương, hồ sơ được gửi đến cơ quan được phân công, phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc Bộ quản lý ngành, lĩnh vực - Cơ quan kiểm tra.

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

(1) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra kết quả tự đánh giá sự phù hợp theo quy định.

Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả tự đánh giá sự phù hợp và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

(2) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) chứng chỉ chất lượng (Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận hoặc Chứng thư giám định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức giám định).

Trường hợp, hàng hóa đã được tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật cho cơ quan kiểm tra. Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

(3) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật

- b1) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP và xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu.

- b2) Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các nội dung kiểm tra quy định tại điểm c khoản 2c Điều 7 sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra phải ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, cơ quan kiểm tra xử lý như sau:

+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới người nhập khẩu, đồng thời yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra



chỉ cấp thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập khẩu có bằng chứng khắc phục;

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan hải quan. Đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra có thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

- Trường hợp, người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì thực hiện đăng ký kiểm tra và trả kết quả kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đang được áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2a hoặc khoản 2b Điều 7 sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP, nếu phát hiện chất lượng không bảo đảm, gây mất an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường hoặc khi có khiếu nại, tố cáo về hoạt động sản xuất hoặc nhập khẩu thì áp dụng biện pháp kiểm tra ở mức độ chặt chẽ hơn đối với hàng hóa nhập khẩu đó.

### ***Bước 3:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan kiểm tra hoặc theo đường bưu điện hoặc trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định.

### ***b. Cách thức thực hiện:***

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan kiểm tra hoặc trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định.

### ***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là cơ quan kiểm tra) và kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có);
- Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu;
- Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có);
- Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định);
- Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có). Người nhập khẩu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### ***d. Thời hạn giải quyết:***

(1) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật

- Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

(2) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật

- Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng; Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng đầy đủ và hợp lệ.

Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, nội dung Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ”. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ.

### ***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở Trung ương.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:***

\* Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo: kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật

- Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu.

\* Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật:

- Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

***h. Lệ phí kiểm tra: Không.***

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu (*Mẫu kèm theo*).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không***

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12 ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐĂNG KÝ KIỂM TRA**  
**NHÀ NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Kính gửi : ..... (Tên Cơ quan kiểm tra).....

Người nhập khẩu: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa sau:

| Số TT | Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại | Đặc tính kỹ thuật | Xuất xứ, Nhà sản xuất | Khối lượng/ số lượng | Cửa khẩu nhập | Thời gian nhập khẩu |
|-------|------------------------------------|-------------------|-----------------------|----------------------|---------------|---------------------|
|       |                                    |                   |                       |                      |               |                     |
|       |                                    |                   |                       |                      |               |                     |
|       |                                    |                   |                       |                      |               |                     |
|       |                                    |                   |                       |                      |               |                     |

Địa chỉ tập kết hàng hóa:

Hồ sơ nhập khẩu gồm:

Hợp đồng (Contract) số : .....

- Danh mục hàng hóa (Packing list): .....

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu hoặc

Chứng thư giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu:..... do Tổ chức .....cấp

ngày: ...../..... / .....tại: .....

- Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý (nếu có) số : .....

do Tổ chức chứng nhận :..... cấp ngày:..... /..... / .....tại: .....

- Hóa đơn (Invoice) số: .....

- Vận đơn (Bill of Lading) số: .....

- Tờ khai hàng hóa nhập khẩu số : .....

- Giấy chứng nhận xuất xứ C/O (nếu có) số: .....

- Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có):.....

- Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa, mẫu nhãn hàng nhập khẩu, nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định).

Chúng tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ, hợp pháp của các nội dung đã khai báo nêu trên về hồ sơ của lô hàng hóa nhập khẩu, đồng thời cam kết chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật ..... và tiêu chuẩn công bố áp dụng.....

**(TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA)**

Vào sổ đăng ký: số .../(Tên viết tắt của CQKT)

Ngày.....tháng.....năm 20....

(Đại diện Cơ quan kiểm tra ký tên đóng dấu)

.....ngày.....tháng.....năm 20...

**(NGƯỜI NHẬP KHẨU)**

(ký tên, đóng dấu)

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN)  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /(CQKT)

....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ  
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

| STT | HẠNG MỤC KIỂM TRA  | Có/Không                 |                          | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|--------------------------|---------|
|     |  | Có                       | Không                    |         |
| 1   | Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 2   | Hợp đồng ( <i>Contract</i> ) (bản sao).                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 3   | Danh mục hàng hóa ( <i>Packing list</i> ) kèm theo hợp đồng (bản sao). | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 4   | Bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.1. Giấy chứng nhận hợp quy   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 5   | Hóa đơn ( <i>Invoice</i> )   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 6   | Vận đơn ( <i>Bill of Lading</i> )                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 7   | Tờ khai hàng hóa nhập khẩu   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 8   | Giấy chứng nhận xuất xứ ( <i>C/O-Certificate of Origin</i> )           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 9   | Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 10  | Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 11  | Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 12  | Nhãn phụ ( <i>nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định</i> ).     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |

**KẾT LUẬN**

- Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
- Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các

mục:..... trong thời gian 15 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các bước tiếp theo theo quy định.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

**NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ**

## **B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh**

### **1. Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận**

#### ***a. Trình tự thực hiện:***

##### ***Bước 1:*** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức đánh giá sự phù hợp khi có nhu cầu tham gia hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì gửi hồ sơ đăng ký chỉ định đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đó (Cơ quan chỉ định).

##### ***Bước 2:*** Xử lý hồ sơ

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

- Sau khi nhận được hồ sơ hợp lệ, Cơ quan chỉ định cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá và phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp về việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp.

Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ, chuyên gia hoặc đoàn đánh giá phải hoàn thành việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.

Trường hợp, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đánh giá thực tế, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục về Cơ quan chỉ định; trường hợp phải kéo dài thêm thời hạn thì phải nêu rõ thời hạn chính thức hoàn thành việc khắc phục các nội dung còn lại.

Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định bảo đảm.

##### ***Bước 3:*** Ban hành Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định không quá 05 năm kể từ ngày ký ban hành.

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

##### ***Bước 4:*** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc theo đường bưu điện.

#### ***b. Cách thức thực hiện:*** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định

hoặc qua đường bưu điện.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, bản sao các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu;

- Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức) các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

***\* Thành phần hồ sơ:***

- Đơn đăng ký chỉ định đánh giá sự phù hợp theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận;

- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có bản sao chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ;

- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng với sản phẩm, hàng hóa, quá trình, môi trường đăng ký chỉ định kèm theo;

- Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với lĩnh vực đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn còn hiệu lực kèm theo;

- Bản sao Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có);

- Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định (đối với tổ chức thử nghiệm).

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

Trường hợp tổ chức đánh giá sự phù hợp đồng thời nộp hồ sơ đăng ký hoạt động (theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp) và hồ sơ đăng ký chỉ định thì tổ chức đánh giá sự phù hợp không phải nộp kèm theo các thành phần hồ sơ quy định tại điểm b, c, d, đ, e của khoản 1 Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.



\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**d. Thời hạn giải quyết:**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đánh giá sự phù hợp

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan đầu mối do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.

**h. Lệ phí:** không.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp (*mẫu kèm theo*).

- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá (*mẫu kèm theo*).

- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (*mẫu kèm theo*).

- Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thử nghiệm/kiểm định (*mẫu kèm theo*).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

- Điều kiện đối với tổ chức thử nghiệm được chỉ định

+ Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, trong đó có lĩnh vực thử nghiệm đăng ký chỉ định;

+ Phải thực hiện việc thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định.

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

- Điều kiện đối với tổ chức kiểm định, giám định, chứng nhận được chỉ định:

Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định, giám định, chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, trong đó có lĩnh vực kiểm định, giám định, chứng nhận đăng ký chỉ định.

***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số ngày 21 tháng 11 năm 2007.
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỈ ĐỊNH**  
**HOẠT ĐỘNG ĐÁNH GIÁ SỰ PHÙ HỢP**

Kính gửi: .....(tên cơ quan đầu mối do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định)

1. Tên tổ chức:.....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng đầu tư số: ..... cơ quan cấp: ..... cấp ngày ..... tại .....

4. Giấy chứng nhận đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận số ..... cơ quan cấp: ..... cấp ngày .....

5. Hồ sơ kèm theo:

- .....

- .....

6. Sau khi nghiên cứu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa, chúng tôi nhận thấy có đủ các điều kiện để được chỉ định thực hiện hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận trong các lĩnh vực sản phẩm, hàng hoá, quá trình, môi trường (nêu cụ thể tên sản phẩm, hàng hoá, quá trình, môi trường, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng)<sup>8</sup>.

Đề nghị (tên cơ quan đầu mối do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định) xem xét để chỉ định (tên tổ chức) được hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nêu trên./.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>8</sup> Đăng ký chỉ định hoạt động đánh giá sự phù hợp nào thì ghi hoạt động đó (ví dụ: Đăng ký chỉ định chứng nhận thì ghi chỉ định thực hiện hoạt động chứng nhận)

TÊN TỔ CHỨC :.....

**DANH SÁCH THỬ NGHIỆM VIÊN/GIÁM ĐỊNH VIÊN/  
KIỂM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ<sup>9</sup>**

| STT  | Họ và tên | Chứng chỉ đào tạo chuyên môn | Chứng chỉ đào tạo hệ thống quản lý | Kinh nghiệm công tác (ghi số năm) | Kinh nghiệm ĐGSPH (ghi số cuộc) | Loại hợp đồng lao động đã ký | Ghi chú |
|------|-----------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---------|
| 1    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 2    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 3    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 4    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 5    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| .... |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |

(*tên tổ chức*).... gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của thử nghiệm viên/giám định viên/kiểm định viên/chuyên gia đánh giá đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**

(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>9</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

TÊN TỔ CHỨC:.....

**DANH MỤC TÀI LIỆU KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH,  
THỦ TỤC THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/KIỂM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN<sup>10</sup>**

| <b>TT</b> | <b>Tên tài liệu</b> | <b>Mã số</b> | <b>Hiệu lực từ</b> | <b>Cơ quan ban hành</b> | <b>Ghi chú</b> |
|-----------|---------------------|--------------|--------------------|-------------------------|----------------|
| 1         |                     |              |                    |                         |                |
| 2         |                     |              |                    |                         |                |
| 3         |                     |              |                    |                         |                |
| 4         |                     |              |                    |                         |                |
| 5         |                     |              |                    |                         |                |
| 6         |                     |              |                    |                         |                |
| 7         |                     |              |                    |                         |                |
| 8         |                     |              |                    |                         |                |
| 9         |                     |              |                    |                         |                |
| 10        |                     |              |                    |                         |                |
| ....      |                     |              |                    |                         |                |
| ....      |                     |              |                    |                         |                |

(*tên tổ chức*).... gửi kèm theo quy trình, thủ tục thử nghiệm/giám định /kiểm định/chứng nhận đã được phê duyệt và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai..

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>10</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM/KIỂM ĐỊNH:.....

**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ  
PHỤC VỤ THỬ NGHIỆM/KIỂM ĐỊNH<sup>11</sup>**

**1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm**

| TT   | Tên máy móc, thiết bị, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính | Năm sản xuất, nước sản xuất | Năm đưa vào sử dụng và tình trạng thiết bị | Ngày kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm | Đơn vị kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm | Ghi chú |
|------|---|-----------------------------|--|--------------------------------------|--|---------|
| 1    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 2    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 3    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 4    |   |                             |  |                                      |  |         |
| .... |   |                             |  |                                      |  |         |

**2. Trang thiết bị khác**

| TT | Tên thiết bị | Đặc trưng kỹ thuật | Ngày đưa vào sử dụng | Ghi chú |
|----|--------------|--------------------|----------------------|---------|
|    |              |                    |                      |         |
|    |              |                    |                      |         |

.....(tên tổ chức thử nghiệm/kiểm định).... gửi kèm theo giấy chứng nhận kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm của thiết bị và cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu)

<sup>11</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

## **2. Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức đánh giá sự phù hợp khi có nhu cầu thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định nộp hồ sơ đề nghị đăng ký thay đổi, bổ sung chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp đối với các sản phẩm, hàng hóa được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật địa phương do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành thì gửi hồ sơ đăng ký chỉ định đến Cơ quan đầu mối do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ định (Cơ quan chỉ định).

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, nếu hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ:

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan chỉ định tiến hành thẩm xét hồ sơ, không tổ chức đánh giá năng lực thực tế.

+ Trường hợp hồ sơ đăng ký đầy đủ nhưng có nội dung không phù hợp hoặc có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có thông tin, phản ánh về dấu hiệu vi phạm liên quan đến hồ sơ thì cơ quan chỉ định tổ chức đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp. Cơ quan chỉ định cử chuyên gia hoặc thành lập đoàn đánh giá và phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp về việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp. Chuyên gia hoặc đoàn đánh giá phải hoàn thành việc đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.

Trường hợp, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải khắc phục các nội dung quy định trong biên bản đánh giá thực tế, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký biên bản đánh giá thực tế, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải gửi báo cáo kết quả hành động khắc phục về Cơ quan chỉ định; trường hợp phải kéo dài thêm thời hạn thì phải nêu rõ thời hạn chính thức hoàn thành việc khắc phục các nội dung còn lại.

Chi phí phục vụ hoạt động đánh giá của chuyên gia hoặc đoàn đánh giá do tổ chức đánh giá sự phù hợp đăng ký chỉ định bảo đảm.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế, nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định không quá 05 năm kể từ ngày ký ban hành.

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

#### **Bước 3:** Ban hành Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp

Nếu tổ chức đánh giá sự phù hợp đáp ứng yêu cầu theo quy định, Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định cho tổ chức đánh giá sự phù hợp. Thời hạn hiệu lực của quyết định chỉ định không quá 05 năm kể từ ngày ký ban hành.

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

#### **Bước 4:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc theo đường bưu điện.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc qua đường bưu điện.

- Trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, bản sao các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP chưa được chứng thực thì phải có bản chính để đối chiếu;

- Trường hợp hồ sơ được gửi qua bưu điện, tổ chức đánh giá sự phù hợp phải nộp bản sao được chứng thực hoặc bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức) các chứng chỉ, tài liệu theo quy định tại Điều 18b Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **\* Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định theo quy định tại Mẫu số 09 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận; bản sao Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp;

- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 05 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Chứng chỉ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ kèm theo;

- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP có bản sao Quy trình, thủ tục thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận tương ứng kèm theo;

- Danh mục máy móc, thiết bị thử nghiệm đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm, kiểm định) theo quy định tại Mẫu số 07 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, có bản sao Giấy chứng nhận kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm còn hiệu lực kèm theo;

- Bản sao Chứng chỉ công nhận năng lực thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận do tổ chức công nhận hợp pháp cấp (nếu có) đối với phạm vi, lĩnh vực đăng ký thay đổi, bổ sung;

- Bản sao kết quả thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với



phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký thay đổi, bổ sung (đối với tổ chức thử nghiệm).

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:***

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký: Cơ quan chỉ định thông báo bằng văn bản yêu cầu tổ chức đánh giá sự phù hợp sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký đầy đủ: Cơ quan chỉ định đánh giá năng lực thực tế tại tổ chức đánh giá sự phù hợp và ký biên bản đánh giá thực tế.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả hành động khắc phục theo biên bản đánh giá thực tế: Cơ quan chỉ định ban hành quyết định chỉ định

Trong trường hợp từ chối việc chỉ định, Cơ quan chỉ định phải thông báo lý do bằng văn bản cho tổ chức đánh giá sự phù hợp.

***đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*** Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*** Cơ quan đầu mối do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định.

***g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:*** Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp (sửa đổi, bổ sung)

***h. Lệ phí:*** không.

***i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:***

- Đơn đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực được chỉ định (*mẫu kèm theo*).

- Danh sách thử nghiệm viên, giám định viên, kiểm định viên, chuyên gia đánh giá (*mẫu kèm theo*).

- Danh mục tài liệu kỹ thuật, tiêu chuẩn và quy trình thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận (*mẫu kèm theo*).

- Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ thử nghiệm/kiểm định (*mẫu kèm theo*).

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

- Điều kiện đối với tổ chức thử nghiệm được chỉ định

+ Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, trong đó có lĩnh vực thử nghiệm đăng ký

chỉ định;

+ Phải thực hiện việc thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng đối với phương pháp thử của sản phẩm, hàng hóa đăng ký chỉ định.

Đối với các phép thử chưa có điều kiện để thử nghiệm thành thạo hoặc so sánh liên phòng thì phải bổ sung hồ sơ phương pháp thử, xác nhận giá trị sử dụng của phương pháp thử và chất chuẩn để kiểm soát chất lượng thử nghiệm.

- Điều kiện đối với tổ chức kiểm định, giám định, chứng nhận được chỉ định:

Đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định, giám định, chứng nhận theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP, trong đó có lĩnh vực kiểm định, giám định, chứng nhận đăng ký chỉ định.

#### ***1. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa\_ ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI/BỔ SUNG  
PHẠM VI/LĨNH VỰC ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH**

Kính gửi: .....(tên cơ quan đầu mối do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc  
Trung ương chỉ định)

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Đã được chỉ định thực hiện việc thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận theo Quyết định số:..... ngày.../.../20.. của ...(tên cơ quan đầu mối do Bộ quản lý ngành, lĩnh vực/ UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định).

4. Hoạt động chỉ định thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đề nghị thay đổi/bổ sung (nêu cụ thể tên sản phẩm, hàng hoá, quá trình, môi trường, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng).

5. Hồ sơ kèm theo:

- .....

- .....

Đề nghị (tên cơ quan đầu mối do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định) xem xét để chỉ định (tên tổ chức) được thay đổi/bổ sung hoạt động thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận đối với các lĩnh vực, đối tượng tương ứng.

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nói trên./.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(Ký tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC :.....

**DANH SÁCH THỬ NGHIỆM VIÊN/GIÁM ĐỊNH VIÊN/  
KIỂM ĐỊNH VIÊN/CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ<sup>12</sup>**

| STT  | Họ và tên | Chứng chỉ đào tạo chuyên môn | Chứng chỉ đào tạo hệ thống quản lý | Kinh nghiệm công tác (ghi số năm) | Kinh nghiệm ĐGSPH (ghi số cuộc) | Loại hợp đồng lao động đã ký | Ghi chú |
|------|-----------|------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|------------------------------|---------|
| 1    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 2    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 3    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 4    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| 5    |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |
| .... |           |                              |                                    |                                   |                                 |                              |         |

(tên tổ chức)... gửi kèm theo các tài liệu chứng minh năng lực của thử nghiệm viên/giám định viên/kiểm định viên/chuyên gia đánh giá đáp ứng yêu cầu quy định tại Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**

(Ký tên, đóng dấu)

<sup>12</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

TÊN TỔ CHỨC :.....

**DANH MỤC TÀI LIỆU KỸ THUẬT, TIÊU CHUẨN VÀ QUY TRÌNH,  
THỦ TỤC THỬ NGHIỆM/GIÁM ĐỊNH/KIỂM ĐỊNH/CHỨNG NHẬN<sup>13</sup>**

| TT   | Tên tài liệu | Mã số | Hiệu lực từ | Cơ quan ban hành | Ghi chú |
|------|--------------|-------|-------------|------------------|---------|
| 1    |              |       |             |                  |         |
| 2    |              |       |             |                  |         |
| 3    |              |       |             |                  |         |
| 4    |              |       |             |                  |         |
| 5    |              |       |             |                  |         |
| 6    |              |       |             |                  |         |
| 7    |              |       |             |                  |         |
| 8    |              |       |             |                  |         |
| 9    |              |       |             |                  |         |
| 10   |              |       |             |                  |         |
| .... |              |       |             |                  |         |
| .... |              |       |             |                  |         |

(*tên tổ chức*).... gửi kèm theo quy trình, thủ tục thử nghiệm/giám định /kiểm định/chứng nhận đã được phê duyệt và cam đoan các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai..

....., ngày.....tháng.....năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

<sup>13</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

TÊN TỔ CHỨC THỬ NGHIỆM/KIỂM ĐỊNH:.....

**DANH MỤC MÁY MÓC, THIẾT BỊ  
PHỤC VỤ THỬ NGHIỆM/KIỂM ĐỊNH<sup>14</sup>**

**1. Trang thiết bị cần kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm**

| TT   | Tên máy móc, thiết bị, kiểu loại, thông số kỹ thuật chính | Năm sản xuất, nước sản xuất | Năm đưa vào sử dụng và tình trạng thiết bị | Ngày kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm | Đơn vị kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm | Ghi chú |
|------|---|-----------------------------|--|--------------------------------------|--|---------|
| 1    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 2    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 3    |   |                             |  |                                      |  |         |
| 4    |   |                             |  |                                      |  |         |
| .... |   |                             |  |                                      |  |         |

**2. Trang thiết bị khác**

| TT | Tên thiết bị | Đặc trưng kỹ thuật | Ngày đưa vào sử dụng | Ghi chú |
|----|--------------|--------------------|----------------------|---------|
|    |              |                    |                      |         |
|    |              |                    |                      |         |

.....(tên tổ chức thử nghiệm/kiểm định).... gửi kèm theo giấy chứng nhận kiểm định/hiệu chuẩn/thử nghiệm của thiết bị và cam kết các nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm về các nội dung đã khai.

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**

(Ký tên, đóng dấu)

<sup>14</sup> Đăng ký chỉ định lĩnh vực hoạt động nào thì ghi tên lĩnh vực hoạt động đó

### **3. Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp**

#### **a. Trình tự thực hiện:**

##### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức đánh giá sự phù hợp có Quyết định chỉ định còn hiệu lực do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp nhưng bị mất, thất lạc, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ hoặc thu hẹp phạm vi chỉ định nộp hồ sơ đề nghị cấp lại gửi về đến Cơ quan đầu mối do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định (Cơ quan chỉ định).

##### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng xem xét, cấp lại quyết định chỉ định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, Cơ quan chỉ định có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

##### **Bước 3:** Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc theo đường bưu điện.

**b. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở Cơ quan chỉ định hoặc qua đường bưu điện.

#### **c. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

##### **\* Thành phần hồ sơ:**

- Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định theo quy định tại Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Bản chính Quyết định chỉ định bị hư hỏng (đối với trường hợp quyết định chỉ định bị hư hỏng).

##### **\* Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

#### **d. Thời hạn giải quyết:**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Cơ quan chỉ định xem xét, cấp lại quyết định chỉ định. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu, cơ quan chỉ định có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

**đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định

**e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan đầu mối do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp.

##### **h. Lệ phí:** không.

##### **i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp lại quyết định chỉ định (*mẫu kèm theo*)

***k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức đánh giá sự phù hợp có Quyết định chỉ định còn hiệu lực nhưng bị mất, thất lạc, hư hỏng hoặc thay đổi tên, địa chỉ hoặc thu hẹp phạm vi chỉ định.

***l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.

- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI QUYẾT ĐỊNH CHỈ ĐỊNH**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức: .....

2. Địa chỉ liên lạc: .....

Điện thoại:..... Fax: ..... E-mail: .....

3. Đã được chỉ định thực hiện việc thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận theo Quyết định số:..... ngày.../.../20.. của ..(*tên cơ quan đầu mối do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định*).

4. Lý do đề nghị cấp lại Quyết định chỉ định thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận:.....

5. Hồ sơ kèm theo:

- .....

- .....

Đề nghị (*tên cơ quan đầu mối do UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ định*) xem xét cấp lại Quyết định chỉ định thực hiện việc thử nghiệm/giám định/kiểm định/chứng nhận cho .....(*tên tổ chức*).

Chúng tôi cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật trong lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định và chịu trách nhiệm về các khai báo nói trên./.

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC**  
(*Ký tên, đóng dấu*)

#### **4. Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia**

##### **a. Trình tự thực hiện:**

###### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

Tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia và nộp hồ sơ tham dự tại Hội đồng sơ tuyển cấp địa phương nơi tổ chức, doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh (Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng).

###### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

- Hội đồng sơ tuyển phải đánh giá tổ chức, doanh nghiệp tham dự Giải thưởng quốc gia theo hai bước: đánh giá hồ sơ và đánh giá tại tổ chức, doanh nghiệp.

- Căn cứ vào kết quả đánh giá, hội đồng sơ tuyển lập và đề xuất với Hội đồng quốc gia danh sách các tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

###### **Bước 3:** Trả kết quả

Thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá và các thông tin phản hồi khác cho tổ chức, doanh nghiệp sau khi có kết quả đánh giá của hội đồng sơ tuyển.

##### **b. Cách thức thực hiện:**

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc theo đường bưu điện tới hội đồng sơ tuyển.

##### **c. Thành phần hồ sơ, số hồ sơ:**

\* Hồ sơ nộp tại Hội đồng sơ tuyển gồm:

- Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP;

- Báo cáo giới thiệu chung về tổ chức, doanh nghiệp;

- Báo cáo tự đánh giá theo 07 tiêu chí của Giải thưởng chất lượng quốc gia;

- Tài liệu chứng minh về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), chứng chỉ hoặc tài liệu liên quan;

- Tài liệu chứng minh về sự phù hợp của sản phẩm, hàng hóa chính với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);

- Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt và các kết quả quan trắc hằng năm hoặc báo cáo giám sát môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);

- Xác nhận kết quả thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động hằng năm trong 03 năm gần nhất (bản sao y bản chính có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp);

- Bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của tổ chức, doanh nghiệp), các tài liệu chứng minh khác về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất (nếu có).

- Số bộ hồ sơ: 01 bộ và 01 đĩa CD

**d. Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đăng ký tham dự Giải thưởng chất lượng quốc gia theo quy định tại Mẫu số 19 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 74/2018/NĐ-CP.

**e. Thời hạn giải quyết:** Hàng năm

**f. Đối tượng thực hiện:** Tổ chức, doanh nghiệp tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia

**g. Cơ quan thực hiện:** Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Sở Khoa học và Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

**h. Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Bộ Khoa học và Công nghệ, Thủ tướng Chính phủ

**i. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:**

Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố nơi tổ chức, doanh nghiệp đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

**k. Kết quả thực hiện:**

- Thông báo bằng văn bản kết quả đánh giá và các thông tin phản hồi khác cho tổ chức, doanh nghiệp sau khi có kết quả đánh giá của hội đồng sơ tuyển.

- Văn bản đề nghị của hội đồng sơ tuyển kèm theo danh sách các tổ chức, doanh nghiệp được đề xuất trao giải gửi hội đồng quốc gia thông qua cơ quan thường trực Giải thưởng chất lượng quốc gia.

- Thông báo của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cho Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng sơ tuyển bằng văn bản kết quả thẩm định hồ sơ xét thưởng có đủ điều kiện để đề xuất với Hội đồng quốc gia danh sách các tổ chức, doanh nghiệp trình Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ trao tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia và tặng bằng khen của Thủ

tướng Chính phủ.

***l. Yêu cầu hoặc điều kiện để thực hiện TTHC:***

- Tổ chức, doanh nghiệp đủ điều kiện tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là các tổ chức, doanh nghiệp có tư cách pháp nhân đã hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ liên tục tại Việt Nam và không vi phạm các quy định của pháp luật trong thời gian ít nhất 36 tháng, tính đến ngày 01 tháng 5 của năm tham dự.

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đã đạt Giải Vàng Chất lượng Quốc gia, nếu đáp ứng điều kiện trên đây thì sau 03 năm kể từ năm được Thủ tướng Chính phủ tặng Giải Vàng Chất lượng Quốc gia tiếp tục được tham dự lại Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

- Trường hợp tổ chức, doanh nghiệp đã đạt Giải Thưởng Chất lượng Quốc gia, nếu đáp ứng điều kiện nêu trên thì được tiếp tục tham dự lại Giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

***m. Căn cứ pháp lý:***

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007.

- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

- Nghị định 132/2008/ NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM DỰ  
GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA NĂM 20.....**

1. Tên tổ chức, doanh nghiệp:  
Tên giao dịch: .....  
Tên tiếng Anh: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....  
Điện thoại:..... Fax: .....  
Email:.....Website:.....  
Mã số thuế: .....  
Số tài khoản: .....  
Tại Ngân hàng: .....
3. Họ và tên Thủ trưởng tổ chức, doanh nghiệp:.....  
Điện thoại:.....; di động:.....  
Fax:..... Email: .....
4. Họ và tên người liên hệ: .....  
Chức vụ:..... Đơn vị: .....  
Điện thoại:.....; di động:.....  
Fax:..... Email: .....
5. Lĩnh vực hoạt động chính:.....  
.....  
.....
6. Nếu tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc một tổ chức, doanh nghiệp khác, xin cung cấp các thông tin sau:  
Tên tổ chức, doanh nghiệp mà đơn vị trực thuộc:.....  
Địa chỉ: .....  
Điện thoại:..... Fax: .....  
Email:.....Website:.....
7. Số lượng nhân viên chính thức trong 3 năm gần nhất, kể cả năm tham dự (có hợp đồng lao động từ 01 năm trở lên):  
Năm 20..... Năm 20..... Năm 20.....
8. Các năm đạt Giải thưởng Chất lượng Việt Nam/Giải thưởng Chất lượng Quốc gia:  
.....

9. Doanh thu trong 3 năm gần nhất, kể cả năm tham dự:

Năm 20..... triệu VNĐ                      Năm 20..... triệu VNĐ

Năm 20..... triệu VNĐ (ước tính của năm tham dự)

10. Các địa điểm sản xuất, kinh doanh chính:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

11. Các hệ thống quản lý đang áp dụng:

ISO 9001       ISO 14001       ISO 22000       GMP                     

HACCP       ISO 17025       SA 8000            OHSAS 18001

Khác:.....

*Chúng tôi cam đoan những thông tin trên là hoàn toàn chính xác.*

....., ngày ..... tháng .....

năm.....

**LÃNH ĐẠO TỔ CHỨC/DOANH NGHIỆP**

*(ký tên, đóng dấu)*

## **5. Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu**

### **a. Trình tự thực hiện:**

#### **Bước 1:** Tiếp nhận hồ sơ

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ ở địa phương

Gửi đến Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu.

- Đối với sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 thuộc trách nhiệm quản lý của các Bộ, ngành ở địa phương

Gửi đến Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương tiến hành việc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên địa bàn quản lý theo quy định của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

#### **Bước 2:** Xử lý hồ sơ

(1) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa;

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra kết quả tự đánh giá sự phù hợp theo quy định.

Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về kết quả tự đánh giá sự phù hợp và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

(2) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật

- Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

- Trong thời hạn 01 ngày làm việc, cơ quan kiểm tra xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu. Người nhập khẩu nộp bản đăng ký có xác nhận của cơ quan kiểm tra cho cơ quan hải quan để được phép thông quan hàng hóa;

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thông quan hàng hóa, người nhập khẩu phải nộp cho cơ quan kiểm tra bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) chứng chỉ chất lượng (Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức chứng nhận hoặc Chứng thư giám định phù hợp quy chuẩn kỹ thuật của tổ chức giám định).

Trường hợp, hàng hóa đã được tổ chức chứng nhận đánh giá tại nước xuất khẩu, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày thông quan, người nhập khẩu phải nộp bản sao y bản chính (có ký tên và đóng dấu của người nhập khẩu) Giấy chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật cho cơ quan kiểm tra. Người nhập khẩu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bảo đảm hàng hóa phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng. Trường hợp hàng hóa không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng, người nhập khẩu phải kịp thời báo cáo cơ quan kiểm tra, đồng thời tổ chức việc xử lý, thu hồi hàng hóa này theo quy định của pháp luật.

(3) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật

- b1) Cơ quan kiểm tra tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP và xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu.

- b2) Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra theo các nội dung kiểm tra quy định tại điểm c khoản 2c Điều 7 sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP:

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ và phù hợp, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng, cơ quan kiểm tra phải ra Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi tới người nhập khẩu để làm thủ tục thông quan cho lô hàng;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp, cơ quan kiểm tra xử lý như sau:

+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới người nhập khẩu, đồng thời yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc. Cơ quan kiểm tra chỉ cấp thông báo lô hàng nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng khi người nhập



khẩu có bằng chứng khắc phục;

+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, trong thông báo nêu rõ các nội dung không đạt yêu cầu gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này;

- Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.

Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Trong thông báo nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ” gửi tới người nhập khẩu và cơ quan hải quan. Đồng thời chủ trì, phối hợp cơ quan kiểm tra có thẩm quyền tiến hành kiểm tra đột xuất về chất lượng hàng hóa tại cơ sở của người nhập khẩu.

- Trường hợp, người nhập khẩu thực hiện đăng ký kiểm tra chất lượng trên Cổng thông tin một cửa quốc gia thì thực hiện đăng ký kiểm tra và trả kết quả kiểm tra chất lượng thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia.

Trường hợp hàng hóa nhập khẩu đang được áp dụng biện pháp quy định tại khoản 2a hoặc khoản 2b Điều 7 sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Nghị định 74/2018/NĐ-CP, nếu phát hiện chất lượng không bảo đảm, gây mất an toàn cho người, động vật, thực vật, tài sản, môi trường hoặc khi có khiếu nại, tố cáo về hoạt động sản xuất hoặc nhập khẩu thì áp dụng biện pháp kiểm tra ở mức độ chặt chẽ hơn đối với hàng hóa nhập khẩu đó.

### ***Bước 3: Trả kết quả***

Trả kết quả trực tiếp tại trụ sở Cơ quan kiểm tra hoặc theo đường bưu điện hoặc trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định.

### ***b. Cách thức thực hiện:***

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở hoặc gửi qua đường bưu điện đến cơ quan kiểm tra hoặc trên Cổng thông tin một cửa quốc gia theo quy định.

### ***c. Thành phần, số lượng hồ sơ:***

- Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu và cam kết chất lượng hàng hóa phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công bố áp dụng theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định 74/2018/NĐ-CP tại cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa (sau đây viết tắt là cơ quan kiểm tra) và kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao Hợp đồng, Danh mục hàng hóa (nếu có);
- Bản sao (có xác nhận của người nhập khẩu) vận đơn, hóa đơn, tờ khai hàng hóa nhập khẩu;
- Chứng chỉ chất lượng của nước xuất khẩu (giấy chứng nhận chất lượng, kết quả thử nghiệm) (nếu có);
- Giấy chứng nhận xuất xứ (nếu có), ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa có các nội dung bắt buộc phải thể hiện trên nhãn hàng hóa và nhãn phụ (nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định);
- Chứng nhận lưu hành tự do CFS (nếu có). Người nhập khẩu hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về chất lượng hàng hóa do mình nhập khẩu.
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

***d. Thời hạn giải quyết:***

(1) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật

- Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

(2) Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật

- Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu đáp ứng yêu cầu chất lượng; Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng đầy đủ và hợp lệ.

Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, nội dung Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu nêu rõ “Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ”. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ.

***d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:***

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa.

***e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:***

Cơ quan kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa ở địa phương.

**g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

\* Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo: kết quả tự đánh giá sự phù hợp của tổ chức, cá nhân; kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận theo quy định của pháp luật; hàng hóa nhập khẩu khác có khả năng gây mất an toàn sẽ được kiểm tra theo quy định của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng, trong đó quy định cụ thể một trong các trường hợp sau: Đánh giá dựa trên kết quả tự đánh giá của người nhập khẩu; đánh giá dựa trên kết quả đánh giá của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định đã đăng ký hoặc được thừa nhận.

Xác nhận người nhập khẩu đã đăng ký kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu trên bản đăng ký của người nhập khẩu.

\* Đối với hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu, tại quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định biện pháp công bố hợp quy theo kết quả chứng nhận, giám định của tổ chức chứng nhận, tổ chức giám định được chỉ định theo quy định của pháp luật:

Thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.

**h. Lệ phí kiểm tra:** Không.

**i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hoá nhập khẩu (*Mẫu kèm theo*).

**k. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007.
- Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /(CQKT) ....., ngày tháng năm 20...

**PHIẾU TIẾP NHẬN HỒ SƠ  
ĐĂNG KÝ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

| STT | HẠNG MỤC KIỂM TRA  | Có/Không                 |                          | Ghi chú |
|-----|--|--------------------------|--------------------------|---------|
|     |  | Có                       | Không                    |         |
| 1   | Giấy đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu.       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 2   | Hợp đồng ( <i>Contract</i> ) (bản sao).                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 3   | Danh mục hàng hóa ( <i>Packing list</i> ) kèm theo hợp đồng (bản sao). | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 4   | Bản sao có chứng thực chứng chỉ chất lượng                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.1. Giấy chứng nhận hợp quy   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.2. Giấy chứng nhận chất lượng lô hàng                                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.3. Giấy giám định chất lượng lô hàng                                 | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
|     | 4.4. Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 5   | Hóa đơn ( <i>Invoice</i> )   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 6   | Vận đơn ( <i>Bill of Lading</i> )                                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 7   | Tờ khai hàng hóa nhập khẩu   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 8   | Giấy chứng nhận xuất xứ ( <i>C/O-Certificate of Origin</i> )           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 9   | Ảnh hoặc bản mô tả hàng hóa  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 10  | Giấy Chứng nhận lưu hành tự do CFS                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 11  | Mẫu nhãn hàng nhập khẩu đã được gắn dấu hợp quy                        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |
| 12  | Nhãn phụ ( <i>nếu nhãn chính chưa đủ nội dung theo quy định</i> ).     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |         |

**KẾT LUẬN**

- Hồ sơ đầy đủ về số lượng: Tiếp nhận hồ sơ để kiểm tra các bước tiếp theo.
- Hồ sơ không đầy đủ về số lượng: tiếp nhận hồ sơ nhưng cần bổ sung các mục:..... trong thời gian 15 ngày. Sau khi hồ sơ đầy đủ thì kiểm tra các

bước tiếp theo theo quy định.

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**

**NGƯỜI KIỂM TRA HỒ SƠ**

(TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN) CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÊN CƠ QUAN KIỂM TRA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-....., ngày tháng năm 20...

**THÔNG BÁO**  
**Kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu**

| Số TT | Tên hàng hóa, nhãn hiệu, kiểu loại | Đặc tính kỹ thuật | Xuất xứ, Nhà sản xuất | Khối lượng/số lượng | Đơn vị tính | Ghi chú |
|-------|------------------------------------|-------------------|-----------------------|---------------------|-------------|---------|
|       |                                    |                   |                       |                     |             |         |
|       |                                    |                   |                       |                     |             |         |

- Cửa khẩu nhập:

- Thời gian nhập khẩu:

- Thuộc lô hàng có các chứng từ sau:

+ Hợp đồng số:

+ Danh mục hàng hóa số:

+ Hóa đơn số:

+ Vận đơn số:

+ Tờ khai hàng nhập khẩu số:

+ Giấy chứng nhận xuất xứ số (C/O):

+ Giấy chứng nhận lưu hành tự do CFS

- Người nhập khẩu:

- Giấy đăng ký kiểm tra số: .....ngày .....tháng..... năm 20 .....

- Căn cứ kiểm tra:

Tiêu chuẩn công bố áp dụng: .....

Quy chuẩn kỹ thuật:.....

Quy định khác: .....

- Giấy chứng nhận hợp quy hoặc Giấy chứng nhận/giám định chất lượng lô hàng hóa nhập khẩu số:..... do tổ chức..... cấp ngày: ...../ ...../ ..... tại: .....

**KẾT QUẢ KIỂM TRA**

*Ghi một trong các nội dung:*

*Đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu*

*hoặc Không đáp ứng yêu cầu chất lượng hàng hóa nhập khẩu thì  
nêu lý do và*

*các yêu cầu khác nếu có*

*Hoặc Lô hàng không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ*

*Hoặc Lô hàng đề nghị đánh giá sự phù hợp lại tại.....*

*Hoặc Lô hàng chờ CQKT tiến hành lấy mẫu và thử nghiệm.*

***Nơi nhận:***

- Người nhập khẩu;
- Hải quan cửa khẩu;
- Lưu: VT, (*Viết tắt tên CQKT*).

**CƠ QUAN KIỂM TRA**

*(ký tên đóng dấu)*